



## VỀ Ý NGHĨA LIÊN KẾT CỦA “CÒN”

Lê Thị Minh Hằng\*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-6-2016; ngày phản biện đánh giá: 04-10-2016; ngày chấp nhận đăng: 21-02-2017

### TÓM TẮT

Trong tiếng Việt, “còn” là một tác tử chuyển đề. Nó là một trong các liên từ quan trọng, có vai trò liên kết các vế câu biểu hiện những sự tình khác nhau với đề khác nhau. Vế “còn” liên kết với vế đi trước, nhưng chúng có thể nằm kề cận hoặc phân cách nhau (thuộc các tình huống phát ngôn khác nhau). Mô hình cơ bản của một cấu trúc có “còn” là [X1 thì Y1. Còn X2 thì Y2] hoặc [X1 thì Y1, còn X2 thì Y2]. Bài viết này chứng minh rằng liên từ “còn” biểu thị hai ý nghĩa: ý nghĩa đối lập và ý nghĩa bổ túc; trong đó, ý nghĩa bổ túc là chính yếu, vì nó dựa trên sự liên tưởng của người nói từ quan hệ tương cận, quan hệ tiếp nối hoặc quan hệ nhân quả của các sự tình. Bài viết này cũng gợi ra rằng liên từ “còn” được ngữ pháp hóa từ vị từ “còn”.

**Từ khóa:** liên từ, quan hệ liên tưởng, quan hệ bổ túc, quan hệ đối lập.

### ABSTRACT

#### *On meaning of cohesion of “còn”*

In Vietnamese, “còn” is an operator of changing topic. It is one of the most important conjunctions, functions linking clauses which express different state of affairs with two different topics. Antecedent clause and clause with “còn” can separate as two independent sentences (adjacently or discretely) or can form a compound sentence. The basic model of sentences with “còn” is [X1 thì Y1. Còn X2 thì Y2] or [X1 thì Y1, còn X2 thì Y2]. The article proves that the conjunction “còn” denotes two different meanings: the contrast (oppositeness) or the complementary. In that, the complementary is primary. The complementary bases oneself on speaker’s association that originates from affinity or succession or causal relation of state of affairs. The article also suggests that the conjunction “còn” is grammaticalized from verb “còn”.

**Keywords:** conjunction, associative relation, complementary, contrast.

1. Trong các tài liệu ngôn ngữ học, từ điển và sách dạy tiếng, còn thường được xếp chung nhóm với mà, nhưng, có tư cách của một liên từ (từ nối, kết từ).

Từ điển Tiếng Việt [3] giải thích về liên từ còn như sau: “Điều sắp nêu ra là một trường hợp khác hoặc trái lại, đối chiếu với điều vừa được nói đến”.

Hoàng Trọng Phiến thì cho rằng còn

liên từ “nói các vế tương phản nhau về sự tình. Ý nghĩa so sánh này có thể thay bằng từ: mà, và, với, song, nhưng...” [2, tr.67].

Nguyễn Anh Quế, trong *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại* bàn về còn liên từ: “Không chỉ hành động, mà khi chủ thể hoặc đối tượng tiến hành hành động chia tách ra khỏi các chủ thể hoặc đối tượng khác cũng được đánh dấu bằng còn”, và

\* Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TPHCM; Email: hangmytho@gmail.com

“Có thể nói rằng trường hợp này, *còn* giống *nhưng*” [6, tr.93].

Từ những định nghĩa vừa nêu có thể rút ra hai điều đã được thừa nhận rộng rãi: một, *còn* là liên từ nối kết sự tình theo sau với (các) sự tình trước nó; hai, đề của mỗi sự tình khác nhau. Tuy nhiên, trên thực tế, quan hệ ngữ nghĩa giữa sự tình đi trước và sự tình theo sau, và cấu trúc nội bộ của mỗi sự tình khá phức tạp (trong đó có cả hiện tượng chuyển hóa ngữ pháp của từ *còn*).

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ những vấn đề vừa nêu nhằm mục đích dạy tiếng. Cụ thể, chúng tôi sẽ chứng minh rằng: (i) quan hệ ngữ nghĩa giữa câu/tiểu cú đi trước và câu/tiểu cú khởi đầu bằng *còn* không chỉ là quan hệ “trái lại” hay đối lập, mà chủ yếu là quan hệ bổ túc (sự tình này nối tiếp sự tình kia trong một quan hệ ngữ nghĩa nhất định); và (ii) ngữ nghĩa và ngữ pháp của từng câu/tiểu cú liên kết bằng *còn*, và đặc biệt là ngữ cảnh chung quanh nó sẽ xác lập quan hệ ngữ nghĩa của *còn*.

Nói chung, *còn* là một liên từ liên kết hai sự tình khác biệt được diễn đạt bằng hai câu hoặc hai tiểu cú có quan hệ đẳng kết về mặt cú pháp; như vậy, với sự có mặt của *còn*, ta có thể có một chuỗi hai (hoặc nhiều hơn hai) câu hoặc một câu ghép. Xét về mặt chức năng, *còn* là một tác tử chuyển đề; và do đó đề của mỗi vế đều có thể được đánh dấu bằng tác tử đề tương phản *thì*.

Nói rõ hơn, *còn* có chức năng nối hai câu/tiểu cú (từ đây sẽ gọi chung là hai “vế”) nhằm đối chiếu hai nhận định khác nhau về hai đối tượng khác nhau, với mô hình cơ bản: [X1 (thì) Y1. *Còn* X2 (thì)

Y2] hoặc [X1 (thì) Y1, *còn* X2 (thì) Y2] (sự có mặt của *thì* luôn là tiềm năng).

## 2. Biểu hiện ngữ pháp của *còn*

Về ngữ pháp, X1 và X2 có thể là chủ đề, khung đề nên trên mặt hình thức nó có thể là một danh ngữ, vị ngữ (ngữ vị từ), giới ngữ hoặc một tiểu cú (một ngữ đoạn có cấu trúc đề-thuyết). Y1 và Y2 là thuyết của X1 và X2 nên về mặt hình thức nó có thể có tất cả những cấu tạo thích ứng của một phần thuyết (thường là một ngữ vị từ).

Ví dụ:

(1) Nó học lớp bốn, *còn* em học lớp năm.

(2) Chân thành thì ai cũng quý, *còn* lừa dối thì sẽ bị lên án.

(3) Anh về là phải, *còn* anh ở lại phiền phức lắm.

(4) Để nâng cao năng suất, ta phải cải tiến thao tác máy *còn* để nâng cao chất lượng sản phẩm ta phải cải tiến khâu nguyên liệu.

(5) Mai mốt lớn lên em sẽ đổi lại! – Nhỏ Diệp chun mũi – *Còn* bây giờ em vẫn thích gọi như vậy hơn! (NNA<sup>1</sup>).

Ở các ví dụ (1) – (3), X1 và X2 lần lượt là những danh ngữ, vị ngữ và tiểu cú làm chủ đề. Ở ví dụ (4), (5) X1 và X2 lần lượt là những giới ngữ (mục đích), danh ngữ làm khung đề.

Trong tất cả các ví dụ trên, có sự đối chiếu cân xứng giữa đề vế trước và đề vế sau: “nó” – “em”, “chân thành” – “giả dối”, “anh về” – “anh ở lại”, v.v., và đều có thể có tác tử *thì* phân giới đề-thuyết. Phần thuyết của mỗi câu diễn đạt những sự tình khác biệt nhau. Có thể xem đây là bối cảnh

kết hợp “điển hình” của *còn*, trong đó *còn* liên kết hai câu có khả năng độc lập về ngữ pháp để tạo thành một câu ghép có mối liên hệ nhất định về ngữ nghĩa.

Tuy nhiên, trên thực tế sử dụng ngôn ngữ, sự đối chiếu giữa hai vế liên kết bằng *còn* có thể diễn ra trên cấp độ văn bản hoặc cấp độ ngữ đoạn.

Ở cấp độ văn bản, có thể hiểu là *còn* có thể liên kết hai phát ngôn gián cách, mỗi phát ngôn có thể thuộc về một bên tham thoại khác nhau. Chẳng hạn:

(6) - Mà y có biết ba về nhà để làm gì không?

- Em không biết!

- *Còn* anh Tuấn với anh Tú?

- Em cũng không biết! (NNA)

(7) - Sao trưa nay hai con bỗng dưng kéo nhau về nhà vậy? Trước câu hỏi của ba, anh Tú ngồi im không nói gì. *Còn* anh Tuấn thì cười cười hỏi lại:

- Chứ *còn* ba, sao trưa nay ba cũng về nhà? (NNA)

Ở (6), *còn* liên kết lượt lời thứ nhất và thứ ba của nhân vật “Tiểu Long”. Ở (7), *còn* liên kết lượt lời của “ba” với lượt lời của “anh Tuấn”.

Ở cả hai ví dụ trên, các phát ngôn cùng tồn tại trong một tình huống giao tiếp. Cũng có trường hợp phát ngôn *còn* xuất hiện trong một tình huống giao tiếp hoàn toàn khác, cách biệt về thời gian và không gian so với phát ngôn mà nó liên kết. Ví dụ, trong “Kính vạn hoa” (Nguyễn Nhật Ánh), ở chương 5, nhân vật “Oanh” đòi “Tiểu Long” ném xoài, “Tiểu Long” từ chối với lí do là xoài khó ném vì “cái

cuồng dính chặt vào cành cây”. Đến chương 7, “Tiểu Long” lại bảo là có thể ném được xoài thì “Oanh” hỏi “Thế *còn* cái cuồng xoài?”. Rõ ràng, “Oanh” đã dùng *còn* để liên kết “cái cuồng xoài” này với cái cuồng xoài mà “Tiểu Long” viện ra lúc trước.

Ở cấp độ ngữ đoạn, *còn* có thể liên kết các ngữ đoạn đóng vai trò một thành phần cấu tạo câu; nghĩa là cả hai vế liên kết bằng *còn* đảm nhiệm chức năng thuyết, đề hoặc định ngữ chứ không làm thành một câu ghép (bậc ngữ pháp thấp hơn các trường hợp (1) – (5)).

(8) Thằng bé hể bông thì thôi *còn* hể đặt xuống là khóc.

(9) Nhỏ Oanh lúc nãy hào hứng là thế, bây giờ cũng ngồi buồn xo, mũi khịt khịt *còn* mắt thì đỏ hoe. (NNA)

(10) Đi Đà Lạt mất 8 tiếng, *còn* đi Nha Trang mất 7 tiếng thì tôi chọn đi Đà Lạt.

(11) Trong khi bọn trẻ đang ngo ngác, *còn* Đạt thì đang ngượng nghịu đặt con Tai To xuống, ngoài cửa bỗng vang lên một giọng nói ồm ồm. (NNA)

(12) Thế võ của tao chỉ chuyên dùng để đối phó với chó béc-giê thôi, *còn* với chó ta thì tao chưa kịp nghĩ ra! (NNA)

Ở (8), *còn* liên kết hai tiểu thuyết của câu (với đề là “thằng bé”). Ở (9), *còn* liên kết hai tiểu thuyết của khung đề “bây giờ” – và bản thân cấu trúc này lại là một trong hai thuyết đẳng lập của đề “nhỏ Oanh”. Ở (10), *còn* liên kết hai tiểu đề và tạo thành khung đề cho cả câu. Ở (11), *còn* liên kết hai định ngữ của “khí”. Ở (12), *còn* liên kết

hai bổ ngữ gián tiếp của “đối phó” – ngữ đoạn này lại làm bổ ngữ mục đích cho vị từ “(chuyên) dùng”.

Từ những ví dụ trên đây có thể thấy rằng *còn* đóng vai trò liên kết hai vế đẳng lập, có thể đảm nhiệm bất cứ chức năng ngữ pháp nào từ bậc câu trở xuống, chứ không chỉ liên kết hai câu hoặc hai tiểu cú độc lập.

### 3. Quan hệ ngữ nghĩa giữa hai vế liên kết bằng *còn*

*Còn* liên kết và đối chiếu hai sự tình khác nhau, nhưng có liên quan về ý nghĩa. Tuy nhiên, mối liên quan về ý nghĩa này không phải chỉ là sự đối lập đơn giản giữa hai vế theo kiểu “Bố tôi thích thể thao. *Còn* mẹ tôi thích xem phim” hoặc “Bà vợ nấu ăn, *còn* ông chồng dọn bàn”, mà ngay cả nếu có sự đối lập đơn giản chỉ trong phạm vi hai câu (hoặc hai tiểu cú) như vậy thì vấn đề đặt ra là tại sao người nói lại phải liên kết hai sự tình khác nhau bằng *còn*?

Về mặt ngữ nghĩa, hai phát ngôn diễn đạt hai sự tình khác biệt (hay nói rộng hơn là đối lập) liên kết với nhau thì phải cùng chia sẻ một *chủ đề chung* – ở đây *chủ đề* được hiểu là mối liên quan hiện thực giữa hai sự tình đang nói đến chứ không phải là chức năng ngữ pháp của thành phần câu, nó chính là khái niệm “common topic” mà Lakoff [7] đã đề cập khi bàn về từ *but* của tiếng Anh. Ở hai ví dụ vừa nêu, chủ đề chung là “sở thích của bố mẹ tôi” và “việc nhà của hai vợ chồng”. Nghĩa là giữa hai phát ngôn sự tương dị phải được dựa trên cơ sở sự tương đồng.

Tuy nhiên, điều này chưa đủ. Thử xét ví dụ sau:

(13) Thứ ba, thứ năm, thứ bảy Long học với Quý. *Còn* những chiều thứ hai, thứ tư, thứ sáu Long học với Hạnh. (NNA)

Dĩ nhiên, ở đây có sự khác biệt ngày lẻ “học với Quý”, ngày chẵn “học với Hạnh”. Nhưng sự có mặt của *còn* đặt ra vấn đề: người nói muốn nói rằng “thời gian khác nhau thì Long học với hai người khác nhau” (tức là chỉ “đối lập” hai sự tình” hay muốn nói “tất cả các ngày trong tuần của Long đều được lấp đầy”?).

Rõ ràng, trả lời câu hỏi này không thể không căn cứ vào văn cảnh hay ngôn cảnh của hai phát ngôn. Nếu câu (13) được tiếp tục “... Có gì khó sắp xếp đâu?” thì nó chính là hai phát ngôn biểu hiện quan hệ “đối lập” giữa hai vế. Nếu (13) được tiếp tục “... Thì giờ đâu mà nghỉ ngơi?” thì nó là hai phát ngôn biểu hiện hai sự tình (khác biệt nhưng) có quan hệ bổ túc chứ không đối lập nhau.

Như vậy, về ngữ nghĩa, nói chung *còn* liên kết những phát ngôn khác để biểu hiện những sự tình khác biệt nhau; đó có thể là những sự tình đối lập và/hoặc những sự tình nối tiếp trong thế bổ túc cho nhau.

#### 3.1. *Còn* biểu hiện quan hệ đối lập giữa hai vế

Như đã nói trên, *còn* là một tác từ chuyển đề, đóng vai trò liên kết hai sự tình khác biệt. Tuy nhiên, khi hai phát ngôn với hai đề khác nhau được nối kết, ý nghĩa đối lập không phải là hệ quả tất yếu mà chỉ tùy thuộc vào ý định truyền đạt của người nói; và điều này được thể hiện thông qua nội

dung của hai vế cùng với ngữ cảnh (và/hoặc tình huống giao tiếp). Nếu không có ngữ cảnh, hoặc ngữ cảnh không đủ rõ, mối quan hệ đối lập giữa hai sự tình không còn thuộc nội dung ngữ nghĩa nữa mà thuộc về ngữ dụng.

Xét các ví dụ sau đây:

(14) - Thế hình thang và hình bình hành khác nhau như thế nào, mà có phân biệt được không?...

- Hình bình hành lúc nào cũng nghiêng nghiêng một bên như người vẹo cột sống còn hình thang thì nằm chẹp bẹp, đầu nhỏ đít to... (NNA)

(15) - Chắc gì đó là ma! Biết đâu có ai đang đốt đèn tìm kiếm cái gì trên đó thì sao?

- (...) Ánh lửa em nhìn thấy không giống với ngọn lửa thông thường. Ngọn lửa thông thường có màu vàng. Còn ngọn lửa kia xanh lè xanh lét! (NNA)

Ở (14), sở dĩ còn thể hiện sự đối lập giữa hình thang và hình bình hành là nhờ nội dung của phát ngôn trước. Ở (15), Lược đối lập “ngọn lửa thông thường” và “ngọn lửa kia” là nhằm phản bác ý của Quý ròm cho rằng “ngọn lửa” mà Lược nhìn thấy không phải là “ma”.

Lại xét đoạn văn sau:

(16) Tiểu Long vừa chạy vừa ngoác miệng hét lớn. Nhưng gã thanh niên (...) cứ cầm đầu phóng thực mạng. Thấy vậy, Tiểu Long diên tiết. Nó nghiêng chặt răng, cố guồng mạnh đôi chân. (...) Tốc độ của gã gần như ngang ngửa với Tiểu Long (...). Vì vậy phải rất khó nhọc Tiểu Long mới có thể nhích lại gần gã. Còn Quý ròm thì khỏi

nói, nó lẹt đẹt hít bụi tít đằng sau. (NNA)

Trong đoạn văn vừa dẫn, theo mạch truyện, Tiểu Long và Quý ròm đuổi theo một tên giạt đồ. Vế còn dĩ nhiên liên kết với những câu trước nó, nhưng trong đó không có một câu nào có cấu trúc đối xứng để có thể xem là vế đối lập với còn theo kiểu [X1 thì Y1. Còn X2 thì Y2]. Xét kĩ, ở vế còn nội dung mà tác giả muốn truyền đạt không phải là một sự tình có liên quan trực tiếp đến sự kiện đuổi bắt tên giạt đồ (nếu vậy thì vế còn sẽ diễn đạt một sự tình khác, tiếp nối trong chuỗi sự kiện đang miêu tả) mà là sự chậm chạp, yếu ớt của Quý ròm (thử so sánh với “Còn Quý ròm lúc này vẫn đang chạy phía sau” hoặc “Còn Quý ròm vài phút sau cũng chạy đến”). Từ đó, có thể nói rằng cả đoạn văn đi trước muốn truyền đạt ý của tác giả rằng “Tiểu Long chạy/đuổi bắt rất nhanh nhẹn và mạnh mẽ”; vế còn chính là diễn đạt sự tình đối lập với ý nghĩa này. Như vậy, còn có thể liên kết-đối lập hai sự tình hiển ngôn, nhưng cũng có thể liên kết một sự tình hiển ngôn (đánh dấu bằng còn) và một sự tình thuộc về hàm ý của người nói.

Quan hệ đối lập về ý nghĩa giữa hai phát ngôn thường được hình thành trên cơ sở đối chiếu hai sự tình trái ngược nhau (nội dung trái ngược nằm ở phần thuyết). Chính vì vậy, phần thuyết của vế còn có thể được thể hiện dưới dạng một biểu thức chặt; chẳng hạn như [X1 thì Y1. Còn X2 thì (lại) khác], [X1 thì Y1. Còn X2 thì trái/ngược lại], [X1 thì Y1. Còn X2 thì không], [X1 thì Y1. Còn X2 thì (lại) không như vậy]. Ví dụ:

(17) (- Làm sao để nhận biết được cái nào của Tàu, cái nào của Nhật hả em?)  
- Của Nhật thì hộp bên ngoài dày dặn, sắc nét hơn. Còn của TQ thì trái lại.

(18) (- Mẹ cũng có đọc được đâu!)  
(...) - Nhưng mẹ bị cận thị, mà hôm nay mẹ lại quên mang theo kính! Còn con thì khác! (NNA)

(19) Không sợ ma là một chuyện, còn tìm gặp ma để khiêu khích là một chuyện hoàn toàn khác. Vì vậy mà Tiểu Long bỗng chốc hoang mang. (NNA)

Ở cả ba câu trên, nhờ sự có mặt của “thì khác”, “thì trái lại”, về còn diễn đạt nội dung đối lập với về trước; kể cả khi không có mặt những phát ngôn làm ngữ cảnh cho nó.

Cũng có nhiều khi sau còn là một cấu trúc giả định ở dạng [X1 thì Y1, còn **nếu** X2 thì Y2] hoặc [X1 thì Y1, còn (**nếu**) **không** thì Y2]. Ở trường hợp này, thường quan hệ ý nghĩa giữa hai về cũng là quan hệ đối lập, vì cấu trúc “nếu... thì...” biểu thị một tình huống giả định chỉ có thể hình thành dựa trên sự tương phản với nội dung thực đã nêu ở về trước (hoặc đoạn câu trước). Chẳng hạn:

(20) Cao mới ném, còn nếu thấp thì thò tay ra hái chứ cần quái gì mà! (NNA)

(21) Ba nó dặn nếu bệnh tình của ông trở nặng thì điện vào cho ba nó ra gấp, dờ việc cũng phải ra. Còn không thì đợi một tuần lễ nữa xong việc, ba nó sẽ ra sau. (NNA)

Trong hai trường hợp vừa nêu, vai trò của ngữ cảnh không ý nghĩa lớn.

### 3.2. Còn biểu hiện quan hệ bổ túc giữa hai về

Với hai đề khác nhau, hai về đối chiếu bằng còn thường gọi ra cảm giác về sự đối lập, nhất là khi chúng được tách ra khỏi ngữ cảnh và mỗi về đều có mặt thì tương phản. Nếu đặt trong ngữ cảnh, đa số trường hợp, sự khác biệt về nội dung giữa hai về không phải hoặc không nhằm diễn đạt sự đối lập mà chỉ cho biết hai sự tình khác biệt có liên quan logic với nhau – nếu không nói ra sự tình tiếp theo thì nội dung trao đổi sẽ không hoàn chỉnh. Khi đó, giữa hai sự tình này có một quan hệ có thể tạm gọi là quan hệ *bổ túc*<sup>2</sup>. Nghĩa là, về trước trình bày một sự tình; về còn trình bày thêm một *sự tình khác*, có mối liên hệ với sự tình trước nhằm hoàn chỉnh nội dung muốn truyền đạt. Có thể nói, cả hai sự tình giống như các chi tiết của một bức tranh: trên trục tuyến tính, người nói trình bày nhận định về X1, sau đó phải/muốn trình bày về X2 để hoàn chỉnh bức tranh đang miêu tả.

Trong chừng mực nào đó có thể mô hình hóa còn trong trường hợp này như là kết quả của một quá trình thu gọn biểu thức tình thái chủ quan của người nói: [X1 thì Y1. Chưa hết, còn X2 (nữa), X2 thì Y2] → [X1 thì Y1. Còn X2 thì Y2].

Điều này có thể giải thích bằng chính nghĩa từ vựng của của vị từ còn: (> < hết). Quá trình chuyển nghĩa từ vị từ còn đến liên từ còn như sau:

(22) Chó nhà tao! Đây là con Ti Ti, con Ki Ki. Chưa hết, tao còn con Tai To nữa. Con Tai To ở dưới bếp.

(23) Chó nhà tao đây! Đây là con Ti Ti, con Ki Ki. *Còn* con Tai To nữa.

(24) Chó nhà tao! Đây là con Ti Ti, con Ki Ki. *Còn* con Tai To ở dưới bếp.

(25) Chó nhà tao đây! Đây là con Ti Ti, con Ki Ki. *Còn* kia là con Tai To.

Ở (22), *còn* hành chức với tư cách vị từ tồn tại, có thể có hoặc không có đề (“tao”); (23) là dạng rút gọn của (22).

Ở (24) và (25), *còn* hành chức với tư cách liên từ; dĩ nhiên, với tư cách này cấu trúc câu cần phải được tổ chức lại: sau *còn* phải là một cấu trúc đề-thuyết, với đề khác biệt nhưng tương ứng về ngữ nghĩa (25) hoặc ngữ pháp (24) với đề của vế trước.

Thử xét các trường hợp sau đây:

(26) Ngay từ quả bóng đầu tiên, Tiểu Long đã ném tung ba cái lon xuống đất. Quý ròm vỗ tay đôm đốp: - Tuyệt lắm, Tiểu Long ơi!

*Còn* nhỏ Hạnh thì không ngót reo hò: - Ráng lên! Ráng lên! (NNA)

(27) Với những chuyện như thế này, bọn con gái không thể nào giữ kín được. Ngay trưa hôm đó, nhỏ Diệp đã kể lại với Quý ròm, *còn* nhỏ Oanh kể lại với Tiểu Long. (NNA)

(28) Nó nhỏ tí, cũ kĩ và xiêu vẹo. Mái tôn thùng lỗ chỗ, phải bọc ngoài bằng giấy dầu, *còn* những tấm phen đan thì mốc meo, thừa rình thừa rèo, gió luồn vào thông thốc. (NNA)

Ở (26), cả hai đối tượng (làm đề) đều biểu hiện thái độ cổ vũ, với hai phần thuyết có nghĩa biểu hiện gần nhau: “vỗ tay đôm đốp” và “không ngót reo hò”. Ở (27), cả hai đối tượng đều thực hiện hành động “kể

lại” giống nhau, chỉ khác “đối tác”. Ở (28), “mái tôn thùng lỗ chỗ” và “những tấm phen đan mốc meo...” là những miêu tả lần lượt từng bộ phận căn nhà (“nó”).

Rõ ràng, cái sự tình diễn đạt bằng vế *còn* là một sự bổ túc cho sự tình ở vế trước nhằm miêu tả đầy đủ và trọn vẹn bức tranh mà tác giả muốn đưa ra trước người đọc.

Ở đây xuất hiện một câu hỏi: Quan hệ bổ túc dựa trên cơ chế nào?

Theo nhận xét của chúng tôi, nó thường dựa trên sự liên tưởng của người nói, xuất phát từ mối liên hệ tương cận, kết quả - nguyên nhân, và sự nối tiếp giữa các đối tượng hay sự tình. Chẳng hạn:

(29) Trước nay, Quý ròm chỉ chuyên giải các câu đố trong sách. *Còn* với những câu đố trong cuộc đời, nó không đủ khả năng để giải đáp. (NNA)

(30) Nó cho chuyện ma quỷ là do những người yếu bóng vía tưởng tượng hoặc bịa đặt ra thôi. *Còn* tại sao những người này bịa đặt ra như vậy thì nó không buồn thắc mắc. (NNA)

(31) Nhưng khi bàn tay Quý ròm đập xuống, con muỗi đã chuồn mất. *Còn* bàn tay nó thì đột nhiên cứng đơ. (NNA)

Ở (29) có sự tương cận giữa “câu đố trong sách” và “câu đố trong cuộc đời”; ở (30) có sự liên hệ giữa kết quả “ma quỷ do tưởng tượng, bịa đặt” và lý do “tại sao bịa đặt”; (31) có sự nối tiếp “bàn tay đập xuống” – “con muỗi chuồn mất” – “bàn tay cứng đơ”.

Có nhiều bằng chứng cho thấy quan hệ bổ túc dường như là quan hệ chủ đạo của liên kết *còn*; lí do là ở quan hệ này nội

dung ngữ nghĩa của mỗi vế phong phú hơn rất nhiều so với quan hệ đối lập.

Có thể nêu ra một số biểu hiện như sau:

- Giữa hai vế liên kết bằng *còn* có quan hệ bổ túc khi hai đối tượng nêu ra làm đề để đối chiếu không có sự tương ứng, chẳng hạn:

(32) Cú ném của nó chuẩn đích và mạnh đến nỗi ba chiếc lon bị bắn tung vào vách, *còn* quả bóng sau khi “hoàn thành nhiệm vụ”, tiếp tục lao vọt tới trước, xoi thủng tấm nan tre và mắc kẹt luôn trong đó. (NNA)

(33) Chẳng biết làm sao, chị Ngân đành nhắm mắt mím môi chích mạnh. “Đoàng” một tiếng, quả bóng nổ tung. *Còn* chị Ngân thì bật lùi ra sau mấy bước, mặt mày tái xanh tái xám. (NNA)

Ở (32), tác giả nói về “ba chiếc lon”, sau đó nói về “quả bóng”; trong đó “ba chiếc lon” là đối tượng của hành động “ném”, “quả bóng” là vật tác động hoặc công cụ. Ở (33) tác giả nói về “quả bóng”, sau đó nói về “chị Ngân”; “quả bóng” là đối tượng của hành động “chích”, “chị Ngân” là chủ thể tác động. Rõ ràng, *còn* đối chiếu hai sự tình nhưng không thể hình thành quan hệ đối lập giữa hai đối tượng không tương ứng như vậy.

- Có nhiều trường hợp sự không tương ứng này thuộc bình diện ngữ pháp chứ không phải ngữ nghĩa. Tức là, ở hai vế người ta vẫn có thể nhận ra các đối tượng được đối chiếu, nhưng về ngữ pháp đề của vế *còn* không đối chiếu với đề mà đối

chiếu với một thành phần ở bậc thấp hơn trong vế trước (x. ví dụ (12)).

(34) Bọn trẻ chỉ nhặt hoa tươi mới rụng. *Còn* những cánh hoa héo dù còn thơm nhưng bị dập hoặc đã xin màu, tụi nó không đụng tới. (NNA)

(35) Tôi đi làm thêm vào ngày lễ, *còn* ngày chẵn tôi phải đi học. (NNA)

(36) Nó bảo Tiểu Long là người hiệp nghĩa. *Còn* mình thì nó chả thêm đã động tới. (NNA)

(37) Vườn nhà tôi cây lá héo úa, *còn* màu xanh vẫn ngút ngàn trong các vườn lân cận.

(38) Nhưng nó chỉ ưa gây gổ với ban bè thôi. *Còn* xúc phạm đến thầy cô là điều nó không dám nghĩ tới. (NNA)

Phần đề của vế *còn* đối chiếu với bổ ngữ (ngữ đoạn gạch dưới) (34); đối chiếu với trạng ngữ (35), đối chiếu với tiểu đề (36), đối chiếu với tiểu thuyết (37), đối chiếu với thuyết (38) của vế trước.

Hiện tượng chuyển đề bất tương ứng ngữ nghĩa hay ngữ pháp ((32) – (38)) về bản chất chính là sự dịch chuyển tiêu điểm thông tin hoặc dẫn nhập một tình huống giao tiếp mới. Chẳng hạn ở (32), tác giả nói đến “ba chiếc lon” (“bắn tung vào vách”), rồi dường như chưa đủ, tác giả chuyển sự chú ý vào “quả bóng” (“lao vọt tới trước, xoi thủng tấm nan tre”) để miêu tả sức khỏe và tài nghệ ném lon của Tiểu Long. Ở (34), tác giả cho biết “bọn trẻ chỉ nhặt hoa tươi mới rụng”, sau đó tác giả phải nói thêm về “những cánh hoa héo”, xem như là một tiêu điểm mới; điều này mào đầu cho vụ xô xát giữa “bọn trẻ” và “thằng Tắc Kè



Bông” ở đoạn văn sau đó, khi “thằng Tắc Kè Bông” giẫm nát mớ hoa sứ mà “bọn trẻ” đã nhặt. Như vậy, hiện tượng chuyển đề bất tương ứng hầu như không có chỗ cho quan hệ đối lập.

- Khi muốn biểu hiện một nội dung nào đó, có thể người nói cần đưa ra hai hay nhiều hơn hai sự tình có quan hệ nhất định với nhau mà nếu thiếu một trong các sự tình đó thì nội dung muốn truyền đạt sẽ không đầy đủ, trọn vẹn. *Còn* có thể liên kết chuỗi sự tình như vậy.

Nếu ba sự tình (hoặc nhiều hơn) được trình bày cạnh nhau, *còn* có thể xuất hiện ở đầu vế thứ ba, hoặc cả vế thứ hai và vế thứ ba, và chắc chắn khi đó giữa ba vế cũng chỉ có thể là quan hệ bổ túc. Lí do là quan hệ đối lập thường xuất hiện giữa hai chứ khó hình thành giữa ba sự tình. Ví dụ:

(39) Sáng ra, ba mẹ đi làm, nhỏ Hạnh đi học, *còn* Tùng vẫn nằm bẹp trên giường, mắt nhắm tịt. (NNA)

(40) Bọn trẻ thì khởi nói. Quý ròm chúí đầu vào bàn cờ. Tiểu Long chúí mũi vào... chén chè. *Còn* nhỏ Hạnh thì “chúí” vào mỗi thứ một tí... (NNA)

(41) Như là Cừ thì rượu sẵn hay hồng ma đều chỉ khuấy lên độc một cảnh tượng ủy mị, khó tin của ngày trở về (...). *Còn* Vĩnh thì chỉ rập mơ thấy đàn bà, (...). *Còn* Tạo “voi” lại đặc biệt hay mơ sự ăn uống. (Bảo Ninh – “Nỗi buồn chiến tranh”)

Ở các ví dụ trên, *còn* có vai trò liên kết các sự tình thành một bức tranh tổng thể, trọn vẹn. Nếu không có mặt *còn*, những sự tình đi trước có thể được hiểu như những khung đề (chẳng hạn ở (39) có

thể hiểu “khi ba mẹ đi làm”), hoặc tất cả chỉ là những sự tình rời rạc (ở (40) và (41)).

- *Còn* liên kết và đối chiếu hai sự tình khác biệt, thông thường nội dung khác biệt được biểu hiện qua phần thuyết của mỗi vế. Tuy nhiên, có nhiều khi, với ngữ cảnh thích hợp (thể hiện qua nội dung mỗi vế hoặc qua những phát ngôn đi kèm), nội dung ngữ nghĩa của phần thuyết hai vế có thể được xem là đồng nhất.

Thử xét các ví dụ sau:

(42) Ở đây làm việc quần quật, *còn* qua bên đó cũng phải làm quần quật thì tôi qua đó để làm gì?

(43) Đội bóng Xóm Chùa tấn công dồn dập. Thủ môn đối phương gào khan cả giọng, *còn* mấy tay hậu vệ la hét, trách mắng nhau âm ỉ. (NNA)

(44) Nghị và Cúc Phương là (...) những đứa yêu quý Tai To thực lòng. Vì vậy, tụi nó quan tâm đến số phận của Tai To là điều có thể hiểu được. *Còn* những đứa khác chưa từng biết mặt mũi Tai To tròn méo ra sao, vậy mà (...) tụi nó cứ lân la bên Tùng hỏi thăm tíu tít, làm như thể Tai To là bạn chí cốt của tụi nó không bằng! (NNA)

Ở (43), “gào khan cả giọng” và “la hét, trách mắng nhau âm ỉ”, ở (44) “yêu quý thực lòng”, “quan tâm đến số phận của Tai To” và “lân la” “hỏi thăm tíu tít”, “Tai To là bạn chí cốt” quả thật rất gần gũi về nghĩa biểu hiện. Trong những trường hợp tương tự, rõ ràng chỉ có thể nói đến quan hệ bổ túc giữa các sự tình chứ không thể là quan hệ đối lập.

Nói chung, những câu hỏi “ngược” (kiểu như “Tôi khỏe. *Còn* anh?”), hỏi thêm (kiểu như “Tôi nay không rảnh à? *Còn* tối mai?”) và những câu trả lời cho từng bộ phận của một câu hỏi gộp (kiểu như (“Bố mẹ anh thế nào?”) “Bố tôi thì khỏe. *Còn* mẹ tôi yếu lắm”) đều thuộc quan hệ bổ túc hiển ngôn.

#### 4. Kết luận

*Còn* đóng vai trò liên kết và đối chiếu hai sự tình khác biệt nhau. Sự tương ứng hoặc cân xứng về ngữ nghĩa và ngữ pháp, sự có mặt (hiển ngôn hoặc tiềm tàng) của *thì* đánh dấu đề tương phản dễ làm cho nhiều người cho rằng *còn* là một liên từ đối lập, và do đó hoạt động giống như *mà*,

*nhưng*. Tuy nhiên, đặt trong ngữ cảnh rộng hơn, có thể nhận định rằng *còn* là một liên từ liên kết và đối chiếu các sự tình khác biệt mà trước hết là các sự tình có quan hệ bổ túc với nhau, để làm nên một bức tranh chung và trọn vẹn về một nội dung nào đó. Ý nghĩa đối lập thậm chí có thể xem là ý nghĩa thứ sinh, vì nó phụ thuộc chặt vào ngữ cảnh hoặc tình huống giao tiếp.

Chung quanh *còn* thực ra còn rất nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu; chẳng hạn quá trình ngữ pháp hóa từ *còn* vị từ đến *còn* phó từ/vị từ tình thái đến *còn* liên từ, sự tương đồng và tương dị giữa *còn* với *mà*, *nhưng*, *chứ*, v.v..

---

*Ghi chú:* Bài viết này được sự tài trợ của Quỹ Nghiên cứu Trường Đại học Ngoại ngữ Hankuk, Hàn Quốc

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dân (1987), *Lôgích – ngữ nghĩa – cú pháp*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.
4. Hoàng Trọng Phiến (2003), *Cách dùng hư từ tiếng Việt*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
5. Nguyễn Văn Phở (2012), “*Mặc dù, nhưng* và quan hệ nhượng bộ”, *Ngôn ngữ*, số 2, Hà Nội.
6. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lakoff, R. (1971), “Ifs, ands and buts about conjunction”, In: Charles J. Fillmore & D.T. Langendoen (eds.): *Studies in Linguistic Semantics*, Holt, Rinehart & Winston, NY.

---

<sup>1</sup> Các ví dụ chú thích NNA, chúng tôi trích từ “Kính vạn hoa” của Nguyễn Nhật Ánh, bản online, truy cập ở địa chỉ: [http://isach.info/story.php?list=story&author=nguyen\\_nhat\\_anh](http://isach.info/story.php?list=story&author=nguyen_nhat_anh).

<sup>2</sup> Chúng tôi không dùng “bổ sung”, vì từ này thường gọi ra rằng về *còn* đóng vai trò thứ yếu, phụ thuộc, thông tin chính nằm ở về trước.